

TRUYỆN CỔ THANH LƯƠNG

Thời tiền Đường, Sa-môn Tuệ Tường ở Lam cốc kính soạn.

QUYỂN HẠ

3- Du lễ cảm thông

5- Chi lưu tạp thuật.

1. DU LỄ CẢM THÔNG.

Từ thuở ấu thơ. Tôi chuộng khí khái khác lạ, đến lúc lớn khôn lại càng dốc thiết, mỗi lúc nghe xướng phương khác, bèn liền khảng khái dấy lòng. Ai cho là một mai vọt tự đến diệt vậy, bèn được cầm nắm cây si mở khai hoang tằm, gắng dất chân què quên cả mệt nhọc, thẳng lên trên đầu của Trung đài, khi ấy cúi nhìn muôn vật, liền nhìn bên cạnh xa ngàn dặm, chân đạp trên gió tuyết, chí lắng trong Tiêu Hán, bỗng nhiên như xả bỏ kiếp sống bồng bênh, xa xăm tự vượt đến trong thiên đình, mới bắt đầu tỏ ngộ sự vất bỏ của trang quán, tư duy sự nghiêng lệch của Đại tiểu. Tuy chưa trông thấy vẻ huyền diệu của Vương Sơn Cửu Tầng; nếp đẹp xinh của Thửu phong kê túc. Bên trong tự võ về tẩm thân bé nhỏ sao cũng nhiều may mắn vậy. Đâu nhọc ngàn năm có 1 lần gặp, nên mới muôn kiếp mong gặp vậy, chỉ bởi chót Huyền khó bày, cửa tối ít mở. Tại lúc chưa hiểu thì tuy gần mà xa, trông nhìn thần kinh, không thể chẳng mến luyến, nhưng tiếp thừa gần, từ xưa đến nay mọi người đến núi đó thật lắm nhiều vậy. đến như các sự ghi chép tuy mới mẻ nhưng vẫn thấy thông thường, bởi vì gặp lúc không việc tốt, nên khiến hương thơm bụi trần héo dứt, chẳng sinh mọc xa lớn. Mọi người sau lấy đâu để kính ngưỡng ư? Vả lại, như các Sa-môn Đàm Tĩnh, Đàm Thiên, Tuệ An, Tuệ Toàn đều là những bậc uyển lộ của chốn thiền môn, Chi lan ở đất báu, chỉ lên tại đầu đài, thường nghe chí ký, ngoài ra những vị bít lấp mắt, sao có thể nói được thay! Do đó nhật góp Di văn, rõ tìm ở thấy nghe, gần như kẻ sĩ tư tề xếp sắp đồng đến.

Lại căn cứ theo Biệt truyện nói rằng: “Ở thời vua Vũ Văn (Hiếu Mẫn Đế - Vũ Văn Giác 557) thời Bắc Chu, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hóa

làm vị Phạm Tăng đến xứ này nói là: “Phổng tìm thành tích, muốn đến núi Thanh lương, nơi trú xứ của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi”. Bấy giờ, Pháp sư Trí mãnh mới hỏi việc ấy và bắt đầu thỉnh cầu. Bỗng chốc vị Phạm tăng ấy ẩn biến mất, đó tựa như hiểu khuyên gắng gân mông, khiến sinh khát ngưỡng, như người dốc tâm kính tin Thần thông đâu xa vậy thay!

Trong thời nhà Tề (?), tại Định châu, có Sa-môn Minh Úc, chưa rõ là người xứ nào, từ lúc thiếu thời đã nghĩ mong lỗi lạc, chí khí ngưng lắng cao. Nhân nghe núi đó là nơi ở của Thiên sư Thần Tú và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, mới gói đùm lương thực, mang rương tráp, chống tích trượng tìm đến, phàm mọi sự sâu tối, không đâu chẳng đi đến, chỉ mong tìm Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, chưa qua vài ngày bỗng gặp 1 vị Tăng khác, tướng trạng cùng đồng chí nguyện đó, cũng đùm gói lương thực chống tích trượng nói là “Đi tìm cầu Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi”. Tình cờ đến 1 nơi bỗng nhiên gặp nhau, lúc ấy, Sa-môn Minh Úc đánh lễ vị Tăng ấy, vị Tăng ấy cũng đánh lễ Sa-môn Minh Úc, cả 2 vị đồng nói: “Đại Thánh! Đại Thánh, con xin được cứu độ”. Cứ như thế đến lúc đã mệt khốn nhọc mới thôi. Kịp đến lúc hỏi han về phương tục, mỗi vị tự thuật về nơi ở của mình. Sa-môn Minh Úc bèn không nghi ngờ gì chỉ mừng vui gặp được người đồng chí ý, cùng theo nhau leo trèo lên núi, qua 3 ngày mới đến Đông Đài, tại góc Đông nam thấy có 1 phòng nhà xưa cũ, có vài vị Tăng ở đó, đều là oai nghi sơ dã, dung mạo xấu xí, mới đầu vị Tăng ấy không sinh tâm cung kính, tiếp theo Sa-môn Minh Úc cũng vậy, đã tiếp đãi ôn ào lạnh nhạt, đêm đó cả 2 vị nghỉ lại ở đó. Đang lúc nửa đêm vị Tăng ấy cảm mắc bạo bệnh, khốn khổ khó kham nhẫn, đại tiểu tiện trên giường chiếu hôi hám không thôi. Chỉ nói: “Bệnh tôi khốn khổ!” lời tiếng như thế chưa từng ngắt dứt. Cả 2 vị mới cùng khuyên dẫn nhau ra ngoài núi. Nhân lìa khỏi chỗ ấy đi khoảng hơn trăm bộ, thì phòng ốc và các vị Tăng ấy vụt chốc ẩn biến mất, Sa-môn Minh Úc mới tỏ ngộ đó là Thánh nhân, bùi ngùi xót xa sự ngu tối của chính mình, đổ làm than khóc không ngớt, đến nỗi như muốn diệt hủy tự thân, buồn bã hơn cả 10 ngày, trọn không được trông thấy gì. Bèn trở về nơi ở cũ, đến nơi ác bậc danh đức mà thuật bày điều đó. Có người nhận biết, bảo rằng: “Ta bệnh khổ khốn cùng tức là dạy cho người biết bệnh khổ khốn cùng của Ngã và nhân vậy. Ông phải nhận biết như thế hẳn sẽ được độ thoát”. Sa-môn Minh Úc mới tuân theo Thánh huấn, khiêm nhúm tự gìn giữ, dẫu gặp các kẻ trẻ nhỏ, người tùy thuộc mình, cũng kính tiếp không khuyết thiếu, thường luôn tự nghĩ suy đó, đổ lệ cả ngày. Đến năm tuổi ngoài 70, tịch tại chỗ ở!

Trong thời nhà Chu (?) có vị Sa-môn, không rõ dòng họ tên húy là gì. Tức trước kia là vị chủ chùa Ta-bà, và cũng là thầy của Thiền sư Minh, xuất gia từ thuở niên thiếu, vân du khắp các danh sơn, chuyên hành tập thiền pháp. Về sau, đến núi Ngũ đài cùng Thiền sư Minh Đồng ở chùa Ta-bà. Sau đó lại dẫn Thiền sư Minh đi tìm cầu Thánh tích, sang đến núi Hoa lâm tại phía Đông của Đông đài, đến 1 hang cốc có tiếng tăm. Lại vào trong núi sâu, bỗng nhiên thấy 1 chiếc cối đá như vừa mới giã thuốc, bên cạnh có rừng chày, có mùi thơm của thuốc. Sa-môn đó mới bảo Thiền sư Minh rằng: “Nay ta mong cầu Thánh đây được gần”. Chỉ chốc lát, bỗng nhiên có 2 người đi đến, hình dung to lớn, mày dài, tóc vén. Nhân đó cả thầy trò đồng kính lễ nâng đỡ bàn chân, xin cứu nguy ách. Tiên nhân bảo rằng: “Ta đang cùng đại chúng bàn luận, xét rõ biết người đến”. Mới theo hướng Bắc đi hơn 20 bộ, 2 người ấy bèn đi mất, giây lâu, lại có 1 người đến, chỉ nói là: “Người lại đã hợp đáng, có thể theo tà cùng đi”. Đến bên cạnh 1 tàng đá. Vị ấy xoay lại bảo Sa-di (Thiền sư Minh) rằng: “Người nên đi từ từ, chớ kinh động Đại chúng thanh tịnh”. Nói vừa xong, bỗng nhiên thấy rừng tốt suối trong, hoa quý quả lạ, hành lan mái hiên ánh ngời, lầu đài hiển hiện, hoa mới đẹp rực sáng, tướng trạng như thiên cung. Có khoảng 14-15 người vừa Tăng vừa tục, dung nghi hòa mục, cùng ngồi đàm luận nói cười. Thiền sư Minh từ từ kính lễ, từ từ thẳng mặt đi đến. Những vị ấy bảo: “Ông từ đâu lại có thể đến chỗ ta? Nhưng nơi đây toàn là những vị đã chứng đắc quả vị thanh tịnh, không thích nghi với tuổi trẻ. Ông nên đưa vị Sa-di này ra khỏi ngoài chúng, rồi trở lại cùng gặp”. Vị Sa-môn đó kính vâng đưa Thiền sư Minh lui ra, và tự vui mừng có lắm may mắn, vừa nghĩ đến điều mong hỏi. Lui ra đi chưa được vài bộ, hoảng nhiên quên mất, bồi hồi trông nhìn 4 phía trọn không thấy gì, chỉ có núi cao hang lớn, cây cuện rừng đẹp mà thôi! Vị Sa-môn đó bảo cùng Thiền sư Minh rằng: “Bởi ông thiếu phước mới là như vậy!” bèn tìm đường trở về, càng gấp bội khẩn thành cố gắng. Đến năm 84 tuổi, Sa-môn đó thị tịch tại chùa Ta-bà.

Trong thời nhà Tùy, tại Tinh châu có Cao Thủ Tiết. Gia đình vốn đã nhiều đời kính tin Tam bảo, và Cao Thủ Tiết lại rất sâu chắc, hết mức tinh thành khẩn thiết, khoảng năm 16-17 tuổi, từng đến Đại quận, giữa đường gặp 1 vị Sa-môn tuổi khoảng 50-60, tự xưng tên là Hải Vân. Bèn cùng đó đàm nói đuôi đầu. Nhân đó, Sa-môn Hải Vân hỏi rằng: “Ông có đọc tụng kinh chăng?”. Cao Thủ Tiết đáp: “Thật có bản tâm ấy!”. Sa-môn Hải Vân bèn dẫn tới Đài sơn, đến nơi 1 Trú xứ, thấy có 3

am tranh vừa đủ dung thân, mới vào ở trong đó dạy bảo đọc tụng kinh Pháp Hoa, Sa-môn Hải Vân ra ngoài khát cầu đem về cung cấp cho các thứ ăn mặc. Thương thấy 1 vị Hồ Tăng đến đó cùng thầy nói cười trọn ngày mới trở về. Về sau, Sa-môn Hải Vân hỏi Cao Thủ Tiết rằng: “Ông có biết vị Hồ Tăng ấy chăng?” Cao Thủ Tiết đáp: “Không biết”. Sa-môn Hải Vân với dung mạo tợ như đùa cười bảo rằng: “Vị Hồ tăng đó tức là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vậy”. Cao Thủ Tiết từng tiếp thừa lời nói đó mà chưa hiểu được ý chỉ. Về sau, Sa-môn Hải Vân bỗng sai Cao Thủ Tiết xuống núi đến trong xóm làng lấy vật, mà răn dặn rằng: “Phàm, người nữ là gốc của mọi xấu ác, làm hư hoại Đạo Bồ-đề, phá hủy thành quách Niết-bàn. Nên người đến trong nhân gian phải rất cẩn trọng đó”. Cao Thủ Tiết kính vâng nhận sự chỉ dạy ấy mà xuống núi, giữa đường thấy 1 người nữ tuổi khoảng 14-15, vận mặc y phục mới đẹp, dáng dấp nhã lệ, cười trên mình con ngựa sắc trắng thẳng đến trước mặt, cúi đầu kính chào và nói cùng Cao Thủ Tiết rằng: “Thân thiệp cảm mắc khốn hoạn gấp rất cần được xuống yên mà ngựa hay nhảy vọt, cản đứng không được, mong anh đỡ nâng cứu giúp thân mạng nhỏ bé này”. Cao Thủ Tiết bèn nghĩ nhớ lời thầy, trọn không ngoáy đầu nhìn lại. Người nữ ấy cũng đuổi theo đến vài dặm khổ thiết vang cầu, Cao Thủ Tiết vẫn giữ chí như mới đầu, bỗng chốc ẩn biến mất. Sau khi trở về lại chỗ ở cũ, Cao Thủ Tiết trình bày đầy đủ sự việc ấy. Sa-môn Hải Vân bảo rằng: “Ông thật là bậc trượng phu. Tuy nhiên người nữ đó là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mà người không tỏ ngộ”. Cao Thủ Tiết còn cho đó là nói đùa, nhưng ở đó tụng kinh trải qua 3 năm, trọn 1 bộ kinh Pháp Hoa rất thuần thực. Về sau, nghe tại Trường An có độ người xuất gia, trong tâm Cao Thủ Tiết muốn được xuống tóc, sớm tối tìm phương tiện dò hỏi thầy muốn được đi. Sa-môn Hải Vân bảo rằng: “Ông đọc tụng được kinh Pháp Hoa, đó là hạt giống Đại thừa, nay đã thành tựu, ông hẳn muốn đi, phải nên tìm cầu thầy tốt, 1 lần cách biệt này khó cùng gặp gỡ lại, ông đến trong kinh đô có thể đến nơi Đạo tràng Thiên định nương tựa theo Thiên sư Ngọc Luân để tu tập!”. Cao Thủ Tiết vào kinh đô Trường An cầu xin được độ xuất gia, mà chẳng toại tâm chí mình, mới sang chỗ Thiên sư Ngọc Luân. Thiên sư Ngọc Luân hỏi: “Ông từ đâu lại?”. Cao Thủ Tiết đáp: “Từ núi Ngũ đài lại, Hòa thượng dạy bảo đến xin làm đệ tử thầy!”. Thiên sư Ngọc Luân hỏi: “Hòa thượng của ông là ai, tên gì?”. Cao Thủ Tiết đáp: Hòa thượng tên là Hải Vân”. Thiên sư Ngọc Luân kinh ngạc tha rằng: “Núi Ngũ đài là nơi ở của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Tỳ-kheo Hải Vân tức là vị Đại Thiện tri thức thứ 3 mà Thiện Tài Đồng

Tử tìm cầu tham lễ như đã nói trong kinh Hoa Nghiêm. Cớ sao ông lại bỏ bậc Thánh nhân ấy mà đi? Trong ngàn kiếp muôn kiếp không do đâu gặp được 1 lần, cớ sao ông lằm dại như thế?”. Cao Thủ Tiết mới tỏ ngộ mọi sự xưa nay. Do mong được trông thấy lại, bèn từ tạ Thiền sư Ngọa Luân lui về, suốt đêm ngày rong chạy, về đến nơi chốn cũ trọn không trông thấy gì!

Có Sa-môn Thích Thiện Minh vốn dòng họ Triệu, người xứ Tế châu, năm 30 tuổi xuất gia ở chùa linh Nham tại Thái sơn. Từng nghe thụy tượng ở núi Thanh lương, mới chẳng ngại từ xa tìm đến. Bèn tới phía Bắc của Nam đài, đục khám tu nghiệp. Bỗng gặp 1 vị Tăng dáng mạo to lớn, đến cùng trò chuyện, nhân hỏi chỗ ở, vị Tăng ấy đáp: “Ở bên cạnh phía Bắc đây”. Bèn cùng bàn luận sinh tử khó độ, phiền não khó điều, nói năng rất khẩn thiết chí thành. Vị Tăng ấy chỉ bảo: “Nỗ lực, nỗ lực”. Thế rồi giả biệt mà đi. Bấy giờ từng vài lần qua lại, dùng mọi phương tiện chu toàn, chỉ răn khuyên cố gắng. Sau đó có đoàn giặc cướp khoảng 4-5 người đến tự nhiên cướp đoạt, mọi vật lấy gần hết. Đến sáng sớm hôm sau, vẫn tự nhiên như mới đầu không lo sợ quý tiếc. Giặc cướp đi rồi, vị Tăng ấy bèn đến. Sa-môn Thiện Minh thuật bày đuôi đầu việc ấy. Vị Tăng ấy khảy móng tay ngợi khen tốt lành thay và bảo rằng: “Nỗ lực, nỗ lực!”. Qua sau đó ít giờ, có 2 con hổ gầm gừ đi thẳng vào trong am, Sa-môn Thiện Minh cũng giữ lòng không lay động, 2 ngày sau, vị Tăng ấy đến, Sa-môn Thiện Minh cũng đem sự tình ấy mà nói bày. Vị Tăng ấy rất vui mừng nhảy nhót, nhưng trong ý vẫn mong ân cần, lại bảo rằng: “Nỗ lực, nỗ lực!”. Lại trải qua được 1 tháng, bỗng nhiên gió tuyết vụt tuôn đổ, chỉ chốc lát sâu đến vài thước, rét lạnh quá lắm, rất mực khác thường, chiều tối hôm đó có 1 người nữ nghi dung uyển nghiêm, đến bảo cùng Sa-môn Thiện Minh rằng: “Khổ lạnh rất lắm, xin được nghỉ lại trong khám”. Sa-môn Thiện Minh bèn xót thương đó mà thuận. Người nữ đó vận mặc y phục mỏng manh, lại không đệm chiếu, càng sâu tuyết càng dày, run rẩy càng lắm, nên nói xin được nương tựa trên sàng giường. Mới đầu Sa-môn Thiện Minh không cho, mãi đến canh 3, tiếng rên lạnh bèn dứt, Sa-môn Thiện Minh đưa tay sờ dò từ trên xuống dưới đều lạnh, chỉ còn chút hơi thở. Sợ người nữ ấy chết mất, Sa-môn Thiện Minh mới dẫn đưa lên trên sàn giường và tự cởi áo nơi thân mình để che đắp cùng cả tay chân người nữ đó khiến được hơi ấm, ngõ hầu được toàn mạng. Đến lúc về đêm lắng sâu, Sa-môn Thiện Minh bỗng nhiên ngủ buộc, chốc lát tỉnh giấc, thấy khắp thân mình người nữ ấy vừa ấm, trơn nhuận láng mịn khác thường, Sa-môn Thiện

Minh lửa-dục trong tâm nổi dậy, bèn sinh ý niệm xấu, vừa muốn xoa chần, người nữ ấy đã xuống khỏi sàn giường. Đưa tay gá đó, bỗng chốc ẩn biến mất. Từ đó, khắp thân Sa-môn Thiện Minh như lửa bỏng có cả trăm lỗ máu mủ đồ chảy, tóc râu mi mày đồng 1 lúc đều rụng hết, đau đớn khổ thiết, suốt cốt xuyên tim, hôi hám bữa bãi, trùng giòi rúc rĩa đầy phòng. Sa-môn Thiện Minh đã cảm mắc khổ ấy lại xót xa tự trách vô hạn, ném cả thân mình xuống đất, kêu gào mà ngất tuyệt, chốc lát tỉnh ngộ, lại ném mình xuống đất y như trước, buồn khóc ai thăm, tiếng vang không ngưng ngắt. Chỉ nói là: “Đại Thánh! Xin nguyện tha thứ sự ngu muội ấy!” tiếng tiếng tương tục, cứ như thế mà tự hối. Trải qua hơn 2 tháng, bỗng nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: “Người không có thiên hạnh, nên không thể độ thoát, nay ban tặng cho người cây tùng lớn, đượm phục đó sẽ được làm tiên ở thế tục vậy”. Sa-môn Thiện Minh vâng thừa sự chỉ bảo đó, tuy mừng với điều được nghe mà chưa biết cây tùng lớn tại đâu, lại càng khẩn thiết xót xa. Qua sau 7 ngày, giữa không trung lại có tiếng bảo rằng: “Cây tùng lớn ấy tại trước am của ông, và bày tỏ sắc hình, pháp thức hải dừng. Sa-môn Thiện Minh y cứ theo đó mà lấy dùng, qua sau 3 ngày, thân thể đã được lành khỏi, lông tóc sinh mọc lại, dáng mạo nhan sắc mỗi ngày mỗi đổi khác. Mới đến nơi chỗ Thiền sư Tăng Minh ở chùa Ta-bà tỏ bày rõ ràng sự việc ấy, qua thời gian không bao lâu, bèn hóa tiên mà đi.

Trong thời tiền Đường, có Sa-môn Đàm Vận, chưa rõ thuộc dòng họ gì, vốn người xứ Cao Dương. Sớm tỏ ngộ cảnh đời tợ bót bóng huyền hóa, giả từ thân thích mà xuất gia, lủi ở an nhàn lặng lẽ, sáng rõ thay đổi trẻ. Đến lúc 19 tuổi, bèn đến núi Bồ ngô bên cạnh Hằng nhạc nương náu, tinh tu niệm huệ. Về sau, nghe nói núi Ngũ đài là nơi ở của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Từ xưa đến nay chư Tăng có nhiều người đến cầu thỉnh. Bèn vụt nhiên chống gậy tích tìm đến Thanh lương. Vừa đến dưới núi, nghe có mùi hương thơm khác lạ. Khi đến chùa đại phu thấy vườn hoa tốt tươi nở phát, lại nghe âm vang của chuông khánh, thỏa sướng nổi lòng lại càng thêm kính mộ luyện ngưỡng. Từ đó, dừng ở tại chùa Mộc qua hơn 20 năm, riêng ở chuyên sống Đạo, nhưng ở trong lò gạch ngói, vận mặc chỉ áo nạp hư rách, giữa đất trải cỏ làm chần đệm, lại không có chiếu cỏ, chỉ 1 bình bát, ngày ăn 1 bữa, chỉ 1 lần thọ nhận và thuận 1 mùi vị thức ăn. Thanh chân giản ước tự cố gắng, khó ai có thể phỏng theo đó. Về sau lại theo thầy đến phương Nam xa tí, thị tịch tại núi Bình Dao ở Tây Hà hưởng thọ hơn 80 tuổi. Lúc đó là năm Chánh Quán thứ 16 (?) vậy.

Sa-môn Thiện Chiêu ẩn vồn dòng họ Trương, vốn người ở Hàn châu. Vừa tuổi búi tóc, phát chí xuất trần, nương theo tập học danh đức, đến chùa Chiêu quả tại núi Ngũ đài, thật tâm khổ tiết, giá vượt đồng hàng. Học Thứ đệ định chứng ngộ sâu khác, nương nấu nới rừng mông, đem vị Thánh điểm. Đến ở chùa Mộc qua 20 năm, ở chùa Phật Quang 7 năm, ở chùa Đại Phu 9 năm, những vết tích được cảm thấy, không mấy ai rõ biết. Đến trong niên hiệu Long Sóc (661-664) thời tiền Đường, ngày Sa-môn Hội Trách lên đài thì Sa-môn Thiện Chiêu ẩn khí lực đã dần suy, còn chống trượng sách dẫn đến chùa Đại phu, cảm được điềm lành diệt hỏa, đồng chỗ thân thấy, bèn đoan nhiên ngồi kiết già thị tịch tại chùa đó. Cùng chung có Sa-môn Minh Ẩn, hạnh nghiệp nối tiếp thuần tu, thường hành tập pháp ngũ đình tâm quán, cũng trải suốt 40 năm, phần nhiều ở các chùa tại núi Thanh lương.

Sa-môn Thích Minh Diệu, chưa rõ thuộc dòng họ nào. Vừa đến tuổi chí học, bèn sớm vượt thoát lưới buộc của thế tục, phỏng hỏi bến đạo, tập học không 1 vị thầy cố định. Thích Minh Diệu đến ở chùa Chiêu Quả, thường tụng khi Pháp Hoa, đọc kinh Hoa Nghiêm, từng tập hành các pháp sám Phật Quang v.v... đã từng cùng với Sa-môn giải thoát đồng đến chùa Đại Phu cầu thỉnh Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Đến phía Bắc vườn hoa, thấy 1 vị Sa-môn dung mạo sắc phục khác thường từ từ tiến tới. Lại đến Phật đường bên cạnh phía Đông, sắp muốn vượt qua phía Đông. Khi đó, Sa-môn Minh Diệu v.v... vừa kinh ngạc vừa mừng vui xen lẫn, cách từng khuỷu tay bước tới. Lại đến cách khoảng vài thước, bỗng nhiên không còn thấy gì cả, buồn bã than tiếc giây lâu, bèn cùng Sa-môn giải thoát đồng trở về. Sa-môn Minh Diệu thân cao 7 thước, oai nghi hòa nhã, đàm nói tuần tự đề nén hoặc tán dương, cử chỉ động tĩnh có khuôn phép. Sa-môn Hội Trách trước kia sang đến Ngũ đài, thân gần tiếp thừa lễ bái. Sa-môn Minh Diệu bảo cùng Hội Trách rằng: “Năm đại Nghiệp thứ 20 (?), Ta thấy Thiền sư An vân du đến các chùa Danh sơn, lễ bái hầu thăm các Thánh tích. Nay nay lại gặp Pháp sư ở đây, thật là không thể nghĩ bàn, cầu nguyện Pháp sư được trường thọ không bệnh, hoằng dương tán thán Phật pháp”. Khi ấy Sa-môn Minh Diệu tuổi đã 106 mà chưa từng chống mang gậy trượng, và thần sắc phong thái cũng không suy yếu, không biết về sau bao nhiêu tuổi mới thị tịch.

Tại Đại châu có vị Tín sĩ, quên mất tên họ. Năm ngoài 20 tuổi, lúc lên trên đài lễ bái. Bỗng gặp 1 vị Tăng dẫn cho đến phía Đông của Đông đài. Đến 1 Trú cứ phòng ốc như nhà người phàm tục, trong đó có hơn trăm vị Tăng chung ở. Vị Tăng trước đo dẫn đến hỏi rằng: “Ông có

thể ở đây tu đạo chăng?”. Vị Tín sĩ ấy đáp: “Vâng được” mới liền ở lại trải qua nửa dặm, chư Tăng ở đó phần nhiều đều ăn dùng bánh thuốc, trong lảng cao nhã như thần sống, ít sự nói năng. Lại tại phía nam giếng nước có 1 cành lá tròn như lá sen lớn, rộng đến cả tầm, thường ngày hái lấy một nửa bên, sáng mai sinh mọc lại như cũ. Mới đầu tuy lấy làm quái lạ, nhưng sau dần không để ý, mới cùng chư Tăng đồng hái mà ăn. Ngày tháng dần lâu, Tín sĩ ấy tạm xin trở về, chư Tăng cũng chấp thuận cho đó, có ít vị cản ngăn ở lại. Vừa về tới nhà được vài hôm, liền vội tìm trở lại, chỉ thấy núi hang như cũ, đều không có vết tích gì, giẫm trái cầu hỏi tàoàn vắng lặng hoang tịch như mới đầu. Tín sĩ ấy không biết đó là Thánh nhân. Đến lúc xót xa buồn trách thì sự đã rồi. Lúc tôi gặp vị Tín sĩ ấy thì tuổi đã ngoài 70 vậy.

Trong khoảng niên hiệu Long sóc thời tiền Đường (661-664), vua Cao Tông (Lý Trị) từng ban sắc Sa-môn Hội Trách ở chùa Hội Xương tại Tây kinh cùng Nội Thị Chưởng Phiên Trương Hành Hoàng v.v... sang núi Thanh lương kiểm hành Thánh tích. Sa-môn Hội Trách v.v... vâng phụng minh chiếu vân du lên đỉnh bái yết. Lại cùng dẫn theo Lã Huyền Lãm, Họa sư Trương Công Vinh v.v... cả thầy hơn 10 người ở huyện Ngũ đài cùng đến trên Trung đài. Chưa đến đài, cách khoảng trăm bộ, xa thấy tôn tượng Phật chân dung uyển nhã, huy động tay chân trông nhìn khắp 4 phía, dần đến gần càng rành rẽ rõ ràng. Cách chừng 5 bộ, bỗng nhiên ẩn biến mất. Gần lên đến đỉnh, chưa đi quanh khắp cùng, nghe ở 2 nơi có mùi hương thơm, lan tỏa càng rộng lớn. Lại đến trước tháp, bảo tượng công vinh tu sửa lại tôn tượng Phật xưa cũ. Điểm nhãn vừa xong, mọi người đều nghe tiếng Hồng chung vang vọng. Sau đó, muốn đến Tây đài, xa thấy ở góc Tây bắc có 1 vị Tăng đắp mặc y sắc đen cưỡi con ngựa trắng chạy đến. Mọi người đều cùng đứng đợi. Cách khoảng 50 bộ, bỗng nhiên không trông thấy nữa. Sa-môn Hội Trách mừng vui với điềm hiếm gặp đó, càng thêm khẩn thành đi đến. Lại sang ngôi nhà phía Đông chùa Đại phu, tu sửa tôn tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi xưa cũ, đốt cỏ bên cạnh lan cháy xa, thiêu đốt cả vườn hoa, khói cháy càng mạnh dữ. Cách vườn đó khoảng 45 bộ có nơi có nước. Vừa sai người sang múc, chưa đến nơi thì phía sau ngôi nhà ấy, bỗng nhiên mây đen ùn nổi cao đến 5 trượng, chốc lát liền mưa đổ, vụt dập tắt không còn thừa, may cũng tiêu tan, chẳng ai biết được nguyên do. Bèn đi đến núi Phạn Tiên, Nội Thị Trương hành Hoàng lại nghe có mùi hương thơm khác lạ. Từ phía Nam đến phía Bắc, phàm các nơi cổ tích, thầy đều truy tìm, các bậc Danh đức còn mất đều đến thân gần

đảnh lễ. Sa-môn Hội Trách v.v... đã vâng thừa Quốc mạng nên với mọi sự trông thấy tốt lành, đều tấu trình đầy đủ rất xứng hợp Thánh chỉ. Từ đó, các Thánh tích ở núi Thanh lương rộng nghe khắp chốn kinh thành, mọi hóa hiện quý báu của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nêu bày cùng đường sá, khiến các hàng đẳng đặc đấm mắt biết được Diệu vật ngậm đượm, loài quấy động bên mê ngộ đại phương sâu đến, đó là nhờ sức của nhà vua vậy. Nếu chẳng là Đạo khế huyền cực, ảnh hưởng thần giao thì sao có thể ban giáng xuống lớn chưa từng như vậy. Rõ bày khuôn phép ưu thắng khó nghĩ bàn, sau cả ngàn năm vẫn biết được chí đến của Thánh hậu vậy. Sa-môn Hội Trách lại đem núi đó đồ họa thành 1 bức trướng nhỏ, thuật lược truyện 1 quyển rộng lưu hành trong hàng tam phụ vậy.

Phạm tăng Tây Vực; Sa-môn Thích Ca Mật-đa-la vốn người nước Sư Tử, xuất gia từ thuở thiếu thời, vốn ở chùa Đại Bồ-đề tại nước Magià-đà, phát chí du phương làm lợi ích mọi vật. Trong khoảng niên hiệu Lâm Đức (664-666) thời tiền Đường, đi đến Trung Hoa, nói là: “Muốn đến núi Thanh lương lễ bái Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi”. Tự nói là đã được 95 hạ, thường đi chân không, và luôn ngày ăn 1 bữa. Hoặc có lúc để bụng rỗng không suốt 7 ngày, kiêm tu hạnh ngồi bày thân mình ngoài trời, chẳng nương gá phòng nhà, và liền đến thọ thực, thì hướng về phía Đông Bắc xa kính lễ. Vừa đến dừng nghỉ chưa 7 bao lâu, kính tấu Biểu văn, được vua đặc ân ban hứa, bèn giúp hành điều, ban sắc đến ở chùa Hồng Lô trông coi tiếp đãi khách, làm người phiên dịch ngữ. Có Sa-môn Trí Tài ở Lương châu cưỡi ngựa từng trạm sang đến nơi đó cung cấp mọi sự cho Đa-la (Thích Ca Mật-đa-la). Tháng 6 năm Càn Phong thứ 2 (667) thời tiền Đường, bắt đầu lên đài cùng dẫn theo 1 viên quan ở huyện Ngũ đài có sức lực địch nổi 40 người và các hàng Đạo tục cả thảy có hơn 50 vị. Mới đầu, ngày muốn ra đi, phát xuất từ thôn Tư Dương đi 30 dặm, đến nửa ngày thì sắp đến, Đa-la liền nhóm tập Tăng đồ, tự hành hương thủy, tự tay dâng cúng chúng Tăng. Đa-la nhân chẳng ăn uống, cuối cùng qua 3 ngày, sau khi thọ trai xong sắp đi. Đa-la bảo người dịch ngữ rằng: “Nơi trú xứ của Đại Thánh, cả ức kiếp mới mong được nghe, huống gì nay được thân gần đến nơi. Thật nên khắc niệm, mong mỗi người tự nên chuyên chí, chớ lại ồn náo, như có gặp được gì, chỉ nên tự ngậm im”. Khi ấy bèn đi, đường đã hẹp nhỏ rít kẹt, trước sau nối men theo nhau. Đa-la cùng 2 vị Tăng khác dẫn đường đi trước, muốn đến dưới núi, xa trông chùa Thanh lương, xuống đến nửa lưng chừng núi, bỗng gặp 1 vị thần Tăng đứng ở trên hang. Cả đoàn bèn gieo cả 5 vóc sát đất đảnh lễ vài bái, kịp đến lúc

chưa xa, mới có vài người thoáng nghe tiếng chuông và mùi hương thơm khác lạ. Đến phía Nam của đài, cách khoảng 5 dặm, bèn dừng ghé nghỉ, mới bảo người đắp đàn bằng đất 2 tầng cao hơn 1 thước chuông vuông 1 trượng, hái nhặt các hoa quý lạ trang sức 4 phía, Đa-la suốt trong thời gian 1 ngày đêm có 6 thời đi nhiễu đàn hành Đạo. Đến ngày giả biệt, từng có vài lần vào nước, tắm gội thân mình. Mỗi sáng sớm mai dùng 4 cái bình sạch đựng đầy nước trong sạch, phía trên thiết đặt vài hộp gạo, nửa thăng sữa bò, sai người quỳ bưng, Đa-la chú nguyện qua hơn trăm ngày, bèn hưởng về mọi người mà bảo là: “Tùy mặt mỗi người tự nên rười đó”. Và đó là pháp cúng dường của Tây phương vậy. Trải qua vài đêm bàn dâng thức ăn. Ăn xong liền lên đài, ở mặt phía Nam của đài, đá lẫn lộn sắp xếp theo thứ lớp. Còn hơn 3 dặm, Đa-la dùng khuỷu tay và đầu gối mà đi, thịt rách máu đổ, cốt xương lộ bày. Lên đến trên đài chỉ thấy thổ trắng đơn lẻ đi nhiễu quanh tháp xong ẩn mất. Bèn đến trước tháp, gieo cả 5 vóc sát đất từ sáng sớm đến chiều mới trở về lại chỗ nghỉ. Sáng hôm sau lại muốn lên đài, kẻ sứ do vua ban sắc cùng tôi và vài ba vị Tăng tục khác cách đó khoảng hơn 10 bộ, chuyển dời nương tựa đứng quanh, kẻ sứ từ từ bàn nghị rằng: “Lúc ở kinh đô nghe nói nơi đây có lắm nhiều điềm linh, nhưng đã đến đây, trọn chẳng thấy gì, tuy có nghe thoảng tiếng chuông, mùi hương thơm, nhưng đó cũng chưa lấy làm kỳ đặc. Ở nhân gian rao truyền sao quá xằng bậy vậy”. Nói vừa xong, Đa-la liền gọi kẻ sứ ấy và người dịch ngữ mà răn bảo trách cứ rằng: “Ông là người phạm tục chưa rộng hiểu Phật pháp, sao mới đến đây mà rồi ren bày điều phỉ báng như thế? Từ thuở nhỏ đến ngày nay, tôi không đức công gì khác, chỉ mong tìm lễ bái Thánh tích lấy đó làm việc thường. Y theo các truyện ký ở Tây phương thì tại Nam Diêm Phù Đề này, trụ xứ của các Thánh nhân thường nương ở đó đến 29 nơi. Tôi đã trải qua kể cả nơi đây có đến 9 nơi. Nhưng tự ngoài sự cầu thỉnh hợp rộng rất khó, hoặc phải trải qua 1 năm, nửa năm, 1 tháng, nửa tháng, tâm cầu mong có lầm lỗi hoặc chưa xứng hợp. Nay đây, Đức đại Thánh với tâm từ bi, ứng hợp ước nguyện của chúng sinh. Vì tôi ít mỏng nên chưa lấy làm đầy đủ. Ông chỉ nên sinh khởi tâm ân trọng sẽ được phước vô biên, cố sao phát sinh khinh thường then chốt như thế hẳn sẽ chuốc lấy họa sâu”. Kẻ sứ cúi khom mình đánh lễ sám tạ không thôi. Chỉ vì Đa-la không hiểu Hán ngữ cùng cách hơn 10 bộ với âm từ, nên là trời còn cách xa, gần còn chưa được nghe. Bỗng nhiên đến thế, mọi người không ai chẳng kinh thán. Ngay lúc ấy mọi người cùng đi theo càng thêm sự kinh dị. Thế rồi lại lên trên Đài mang theo hương hoa và

tiền đặt để vào trong ao Thái Hoa. Xong rồi lại theo hướng Đông nam đến chùa Đại phu, thuộc ngoài vách tường của Đông đài, có hơn nửa số người cởi áo bỏ rơi. Đa-la tự tay vốc lấy đất bùn làm sạch, mới dừng nghỉ bên trong qua đêm. Rồi bèn men theo đường cũ trở về. Sau khi đã đến kinh đô, đến nơi Luật sư Đạo tuyên thuật bày mọi điều ứng cảm.

Ngày cùng Phạm Tăng lên đài. Tôi thường im lặng mà tự nghĩ rằng: “Nơi Thanh Lương đây nên đặt xá-lợi để mọi người qua lại chiêm ngưỡng kính lễ há chẳng tốt lành ư?”. Sau khi Phạm Tăng đã trở về, tôi bèn sang Hoàng Sơn. Ở huyện Hoàng Hương thuộc Định châu, tạo 3 chiếc hộp bằng ngọc thạch để tôn trí xá-lợi, 1 hộp lớn cao 1 thước 7 tấc, phỏng sẽ an đặt tại trong tháp ở Trung đài, còn 2 hộp nhỏ cao 9 tấc, nghĩ sẽ an đặt trong phủ đồ bằng sắc tại Bắc đài, đều làm đường sắc màu hoa sen, hình tượng các loài thú khác lạ, cũng hết mực tuyệt diệu của 1 phương. Bấy giờ tại chùa Long Thánh ở Định châu có Sa-môn Trí Chánh và Thanh Tín hiểu hạnh khích nhân nghe tôi có chí nguyện ấy đều mong đồng được đi. Đến tháng 4 năm Tống Chương thứ 2 (669) thời tiền Đường, Sa-môn Trí chánh v.v... cùng đến. Lúc ấy Sa-môn Trí chánh tuổi đã ngoài 70 mà giãm trèo núi sông hơn 800 dặm, lại còn mang theo thực phẩm tinh diệu lên núi cúng dường. Đến ngày 23 tháng đó, cùng các hàng Tăng ni Đạo tục ở Đài sơn có khoảng 60 vị đồng lên, đến mặt phía Nam của Đài, chỉ sắp hạ xuống mà mây huyền nổi khắp 4 phía, mưa đổ vài giọt, mọi người đều bàng hoàng sợ không được an đặt. Mới bưng xá-lợi và hộp liền đến trên xong, lễ bái rất mực tha thiết thành kính, đốt hương hái hoa cúng dường, xá-lợi đem an đặt vào trong hộp đá, bỗng nhiên khắp 4 phía cách hơn trăm thước, mây mốc tan trong, xoay quanh như gương soi chiếu, an đặt hộp đã hoàn tất trở lại hợp như mới đầu. Khi ấy có 1 vị Ni riêng sang ao Thái Hoa cúng dường, mới thấy trong ao có 1 lũy lớn, có rồng lớn nhiều quanh đó, người bạn kia mới cho đó là tượng của long hoa lũy, bỗng chốc mây mưa đều tạnh hết, nghỉ lại nơi đài qua đêm, sáng sớm hôm sau, sang đến Bắc đài. Sa-môn Trí chánh có mang theo các thứ hương hoa cúng dường, thiết bày bữa trưa. Thọ trai xong, an đặt xá-lợi, an đặt xong lễ bái, mọi người đều buồn khóc mà đi. Có 1 vị Tăng thân mắc bệnh lậu không an, đến nơi Đông bắc phía dưới Đài, hơi có tiết rĩ, bèn nghe dưới hang ẩn như có âm hưởng của sấm chấn động, tâm sân bèn nổi, vừa mới ném bỏ áo ca sa, liền có gió dữ vụt đến phẩy áo mà qua, vị Tăng ấy bèn lo sợ, gần xuống không an. Tôi ở tại đó 2 năm, sau mới trở về kinh ấp. Sau khi tôi đã về có Thanh tín sĩ, chẳng rõ tên họ là gì sang đi lên đài, người ấy tuổi

khoảng 20, vận mặc y phục lam lũ, tự nói là “Từ núi Bảo Phúc đến”. Theo các vị thức giả tương truyền là: “Người ấy thường ở tại Tinh châu, đi quanh chợ cầu xin, đem tất cả sự cầu xin có được, tạo đầy lọc nước lớn rộng khoảng 7-8 tấc, tạo xong, tùy nơi đến mà khuyên mọi người sử dụng đó, phàm đã tạo được có hơn vài ngàn cái. Ngày sắp đến cũng mang theo hàng chục cái”. Vị Tín sĩ ấy lên đài rồi xuống dưới chùa Thanh Lương, bỗng nghe có tiếng chuông ngân, nghe xong bèn kính lễ và liền cùng 1 người bạn tìm theo đó. Khi đã được đến chùa, Tín sĩ ấy phát nguyện ở lại 1 mùa hạ để sám hối cúng dường, xuống dưới sườn núi phía Bắc, kết bện cỏ làm am, mới đầu vài ngày có lúc nghe được tiếng chuông ngân hoặc sáng sớm hoặc chiều tối. Qua hơn 10 ngày sau, thường lấy giờ thọ trai làm chuẩn. Lại đến trong Phật đường đọc tụng kinh, đến đêm tối nhẹ nhàng có ánh sáng thần soi chiếu, chẳng nhọc phải chong đèn đuốc. Vị tín sĩ thần sắc dung nghi đơn giản thỏa sướng, mọi cử chỉ đều chỉnh túc khiêm cung, thẳng mặt mà đối đáp, vất hết bỉ lậu của người đời. Nhưng phàm sự đàm nói dài dằng dặc vào nhỏ nhiệm, mọi người thời bấy giờ đều nghi Tín sĩ ấy là hạng người chẳng thể lường được vậy. Tôi lược đi giáp quanh chẳng thể trở lại khắp cùng đầy đủ vậy!

Tại chùa Ngọc Tuyên ở núi Phúc Chu thuộc Kinh châu, có Sa-môn Hoằng cảnh là vị Tăng cao thượng vậy. Tháng 2 năm Hàm Hanh thứ 2 (671) thời tiền Đường, từ Tây kinh sang đến Ngũ đài lễ bái, bèn toại được tâm mong ước, chưa rõ điều vị ấy được cảm như thế nào.

Tại chùa Từ Ân có Sa-môn Linh Sát, ngày mồng 10 tháng 7 năm Thượng Nguyên thứ 2 (675) thời tiền Đường, sang đó lễ bái, khắp đến Đại châu, thấy có 1 người xưa trước chưa từng quen biết, chẳng rõ từ đâu đến, mà dẫn Linh sát từ cốc Mộc qua ở phía Bắc của Đài lên trên Bắc đài, trải qua vài hện, mỗi ngày trong 6 thời thường nghe có tiếng chuông. Lại đang trong đêm nghe có khoảng vài trăm con chim tước sắc xanh bay liệng kêu hót, nhưng chung quanh chẳng thấy thân hình chim. Lại đến Trung đài dừng nghỉ vài đêm. Lại sang Tây đài, lúc sắp đi có khoảng trăm con chim bay trước dẫn đường, đến lúc trở về lại Trung đài mới bay đi xa.

Năm đó tại Tinh châu có 4 vị ni sang lên đầu đài, lúc trở về có 1 vị ni bẻ lấy 5 cành hoa, muốn mang theo xuống bèn bị lạc mất đường. Đói lạnh đều đến, mộng thấy 1 vị Tăng ban cho thực phẩm ăn uống, nhân đó mà được khỏi đói khát. Vị Tăng ấy mới bảo rằng: “Vị người bẻ hái trộm 5 cành hoa nên phạt người ở lại 5 ngày chưa cho về, ngoài ra trọn

không gì khổ, người chớ phải lo lắng nhiều”. Qua 5 ngày, vị ni ấy bèn tìm được đường mà trở về.

Tại Tây kinh có các Thanh Tín Sĩ Phòng Đức Nguyên, Vương Huyền Sảng từ thừa thiếu thời kết bạn phương ngoài, đều nhân đọc kinh Hoa Nghiêm, thấy phẩm Trú xứ Bồ-tát, bèn tâm chuyên nghĩ đến thắng địa. Ngày 13 tháng 5 năm Thượng nguyên thứ 3 (676) thời tiền Đường cùng sang lên đài. Mới đầu được nửa đường, lúc giờ thọ trai sắp đến, bỗng nghe dưới hang cốc có tiếng lớn bảo rằng: “Giờ ăn đã đến” khi lên đến Trung đài đều nghe tiếng chuông và mùi hương thơm khác lạ. Ngày hôm sau lại sang, chừng khoảng bữa ăn chưa xong, lại nghe dưới hang cốc có tiếng lớn liên tiếp bảo rằng: “Lên đài đợi đi!”. Đã tiếp nhận sự chỉ bảo ấy, liền cùng mọi người đồng đi. Sau khi trở về kinh ấp, thỏa sướng nổi lòng, bèn thỉnh mời chư Tăng danh hạnh, thiết trai cúng dường, tỏ bày tuần tự vậy.

Ở chùa Bạch Mã tại Lạc Dương, có Sa-môn Huệ Tạng, vốn người Phần ấp, là vị Tăng cao khiết. Hoàng đế Hiếu Kính (Cao Tông - Lý Trị 650-684) sửa sang xây dựng lại chùa Bạch Mã, gá nhóm các bậc danh đức, đợi gieo ruộng phước, Sa-môn Huệ Tạng là bậc Thiền định thâm sâu rất xứng dẫn đầu. Tháng 4 năm Điều lộ thứ nhất (679) thời tiền Đường, cùng Thiền sư Hoàng Diển ở Phần châu, Sa-môn Huệ Tuân ở chùa Ái kính tại Đồng châu, Sa-môn Linh Trí ở Biện châu, Sa-môn Danh Viễn ở Tinh châu, cùng các vị đồng chí hướng mà ở phương khác như Sa-môn Linh Dự v.v... đến chùa Ta-bà, an cư trong 90 ngày, tinh thành sám tẩy, sau khi giải hạ an cư, cùng các hàng đạo tục có hơn 50 vị đồng lần lượt lên đài. Sa-môn Huệ Tạng cùng 30 người sắp đến Trung đài, đồng thấy 1 đàn hạc trắng sắp hàng cùng đi đến vài dặm. Khi vừa đến đầu đài, bỗng nhiên ẩn biến mất. Sa-môn Danh Viễn, Linh Dự v.v... cùng cả thấy 18 vị trước đến Đông đài, thấy có mây lành 5 sắc. Sa-môn Huệ Tuân đến sau cũng đồng thấy như trước. Sa-môn Danh Viễn đến góc Đông nam tháp Phật ở Trung đài cách hơn 60 bộ, lại thấy tướng điềm sáng tốt lành nhiều sắc màu lẫn lộn, hình như tượng Phật. Ánh sáng tỏa cao 3 trượng. Hoặc người đến đi, ánh sáng ấy cũng tùy theo đó mà đến đi, kính lễ hơn 20 bái, giây lâu mới diệt mất. Sa-môn Linh Trí đến phía Nam ao Thái hoa, cách hơn 10 bộ, thấy có ánh sáng như mặt nhật lớn khoảng 3 trượng, có trăm ngàn màu sắc đan xen lẫn nhau, lả tả nhỏ bày trước, khó thể nói cụ thể tên. Mà cả chúng hình phục oai nghi duỗi bày cuối ngưỡng đều thấy trong ánh sáng tựa như hiện ở gương soi. Sa-môn Linh Trí v.v... lóa cả mắt thần, tâm hồn thất thểu,

đánh lễ khẩn thiết chí thành chốc lát sau mới diệt mất. Lại nữa, Sa-môn Linh Trí v.v... ngay lúc thấy ánh sáng ở trước tháp Phật có 3 vị Sa-di đốt hương trên đầu và tay, dùng thân cúng dường, lại thấy ánh sáng ấy tại mặt phía Đông. Sa-môn Huệ Tạng v.v... xoay quanh qua lại đến ngày thứ 7 mới trở về.

2. CHI PHẢI TẠP THUẬT

Năm Vĩnh An thứ 2 (529) thời Bắc Ngụy, Hằng Châu Thứ sử Hồ Diên Khánh đến núi đó săn bắn, có 4 người thợ săn giỏi cùng đi, thấy 1 con heo núi rất lớn, khác với heo thường, bèn bắn nó, uống lông mà đuổi theo mãi đến giờ ngọ, mới đầu máu huyết in vết rõ ràng, theo hướng Đông nam đến trong Bình nguyên, có dòng nước xuôi chảy về hướng Nam. Tại phía Đông có người ở, phòng nhà liên tiếp nhau, con heo ấy thẳng chạy vào trong cửa, phía ngoài cửa có 2 vị Trưởng giả râu tóc đều bạc trắng chống tích trượng hỏi: “Các ông là người nào?” 4 người thợ săn cứ như thật mà đáp. Trưởng giả bảo rằng: “Đó là heo của tôi, các ông vọng bắn nó, sẽ mắc tội. Nay các ông bỏ nó đi, không được vào trong cửa đây”. 4 người thợ săn đáp rằng: “Vì muốn lấy thịt làm lương thực đuổi theo nó lại đây đã qua 3 ngày, heo đã không được, vậy cho xin bữa ăn để đi”. Trưởng giả bảo: “Có thể đến phía Đông thôn ấp hái lấy táo làm lương thực”. Và táo vừa mới chín, quả rừng rất tươi tốt, 4 thợ săn ăn xong đều dùng dây da, hái tạo dựng đầy rồi tìm lại dấu vết cũ mà trở về, vì Diên Khánh mà nói lại điều đó, có táo còn thừa 1 đũa và cành lá vậy.

Trong thời nhà Tề, có ẩn sĩ Vương Kịch ở núi đó, mà khéo giỏi thuật Trường sinh. Trong khoảng niên hiệu Võ Định (543-550) thời Đông Ngụy, Văn Tương ở tại Tinh châu vì mẹ thất lữ Đại phi, thiết đại trai hội cúng dường 4 bộ chúng. Vương Kịch đích thân dẫn trăm đồng bạn đến nơi trai hội, trước xua dọn đường sạch, người trông xem lánh đứng xa. Khi ấy có 1 người mắt mày sắc màu đỏ trắng xinh đẹp, dĩnh ngộ khác thường, y phục mới đẹp, dung nghi tướng mạo rất lớn, cưỡi ngựa đi trước trăm bộ, lắc tay mà đi, trước xua đuổi, chợt ngựa quất đuổi trọn không thể kịp, lúc đến nơi khúc thành cong, ẩn vào trong rừng người, Văn Tương xa thấy vậy. Đến nơi trai hội, Vương Kịch tự hành hương, người ấy cũng ngồi tại nơi trai hội. Văn Tương thân gần đến hỏi quê quán và tên tuổi, có Đạo thuật gì? Đáp rằng: “Vốn người xứ thương châu, dòng họ Vương, tên Kịch, từ thuở thiếu thời đã mến thích tĩnh lặng, không kham việc nhà thế tục nên đến nương nấu tại núi Ngũ đài

trọn không có Đạo thuật gì. Nghe vua thiết lập Đại trai hội, cúng dường 4 bộ Đại chúng, phước đức ấy vô lượng, lén trộm sự phần kính lễ Tam bảo vậy.

Tại dưới Quách đại châu có Niếp Thế Sư, các hàng tục sĩ cho đó là người khó thể lường biết vậy, tuổi khoảng 50-60, dung mạo đỏ đen, trông nhìn lẳng chắc, lỗ tai dài lớn khoảng hơn 4 tấc, ở nơi phòng thất xấu xí, vận mặc y phục rách rưới. Phàm thấy gặp các hàng đạo tục, hẳn khuyên răn hành thiện. Hoặc ẩn trộm lời người nói khiến đến núi Ngũ đài lễ bái, gần đây có người sắp dự tuyển chọn quan, sợ không được xứng ý nên chuyên tâm xưng niệm Phật, mới mộng người ấy bảo rằng: “Ông chớ nên phải buồn khổ, sẽ được làm chức quan... ở Đại châu. Ta vốn dòng họ Niếp, tên là Thế Sư, người sẽ biết Ta”. Người kinh hãi tỉnh giấc. Kịp lúc đến Thuyên Hành, quả nhiên đúng như điều dự ghi đó. Tâm chí mới muốn tìm phỏng hỏi, hợp nhiên gặp được Thế Sư, hình nghi tướng mạo đều y hết trong mộng ngày trước, bèn cởi 1 chiếc áo lót mà ban thí đó. Từ đó các hàng quan liêu ở đại châu phần nhiều thường hay cúng dường, nhưng với mọi vật có được, Niếp Thế Sư liền ban cho các người cầu xin, như không người lấy thì tùy tại đó mà vất bỏ đi. Tôi nay từng được gặp, có cùng ăn 1 bữa trưa, trông xem về cử chỉ, thật là thuộc hạng khác thường, và phàm, có được các thứ cơm nước thức ăn đều phân nhường cho mọi người trên dưới. Đó tựa như ngầm thực hành 6 pháp hòa kính vậy. Ăn xong, sắp giả biệt, Niếp Thế Sư bảo cùng tôi rằng: “Người ở cõi Diêm Phù Đề phần nhiều không định tụ, Sư cần nên nỗ lực đó vậy”. Về sau đến ngày mạng chung, chuông khánh nơi nơi nhà tự kêu, các hàng đạo tục nghĩ nhớ, đến dự đưa lễ tang đông như mây nhóm.

Bên cạnh chùa Cảnh Vân ở trong thành huyện Phần tĩ, có 1 người già dòng họ Vương, tên là tướng Nhi, chuyên làm nghề hái thuốc. Tôi từng đến nhà ông ấy thọ trai, ông ấy cùng tôi trò chuyện, nhân đó, ông nói: “Đệ tử từng đến cốc Đại Bách ở phía Bắc đài để hái thuốc, bỗng nhiên đến trên tảng đá vuông có 2 cánh tay người, sắc màu hồng đỏ mới đẹp trắng xinh đường văn rõ ràng, từ cổ tay trở lên chấp tay sinh mọc ở trong đá. Đệ tử tự nghĩ rằng: Nơi đây có lắm nhiều thuốc muốn đem về nhà để thử nghiệm mà trị liệu, mới dùng dao cắt lấy vài lớp bọc gói đặt trong lồng thuốc, cả thấy 1 đầy đầy, xong rồi mang vác mà trở về, vừa ra ngang cốc bỗng nhớ nghĩ là: Nếu đây là thuốc tiên tức có khả năng biến hóa, để thử nghiệm xem, kịp lúc xoay lại xem, chỉ còn chiếc Đầy, chứ thuốc và lồng đựng chẳng biết đã biến mất nơi đâu. Đệ tử kinh

hải tự thân, tiếc hận trước chẳng ăn thử đó! Và ở núi còn có nhiều tên thuốc như Trường tùng. Thuốc ấy, lấy rễ để an dùng thì sắc da tề nề dài khoảng 3-5 thước, mùi vị hơi đắng không độc, uống dùng lâu sẽ được bảo ích, đến như giải trừ các trùng độc rất ứng nghiệm tốt lành. Các hàng sĩ tục rất quý chuộng đó thường hái chuẩn bị gấp sẵn. Nhưng theo “Thần nông bản thảo kinh” và sự ghi chép của Ấn cư thì đều không có thứ thuốc đó”.

Gần đây có Sa-môn Phổ Minh là người có tiết tháo hiển trước, cảm được giữa không trung có tiếng bảo rằng: “Nhân vì ông mà lưu truyền đó”. Thật đáng vui mừng thay! Quần sinh trong thời Mạt Thế gặp được Đại tiên ban tặng như thế. Các thứ thuốc ấy có hơn trăm loại. Đại Hoàng, nhân sâm, thật nhiều loại ấy vậy.

TRUYỆN CỔ THANH LƯƠNG QUYỂN HẠ
(HẾT)

